

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

--- & ---



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu:

Tên gói thầu: PTV-Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho CNMB đợt 3 năm 2025

Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc

Phát hành ngày: / /2025

Ban hành theo quyết định số: /QĐ-CNMB ngày / /2025

BÊN MỜI THẦU

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU	5
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT	20
CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU	26
CHƯƠNG V. YÊU CẦU KỸ THUẬT.....	46
PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	49

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật, phạm vi, tiến độ cung cấp dịch vụ mà nhà thầu phải thực hiện.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Chương VI. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các điều khoản cụ thể của hợp đồng. Các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, số lượng, số hiệu gói thầu được quy định tại BDL.</p> <p>1.3. Thời gian thực hiện gói thầu được quy định tại BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSMT và được quy định tại mục 19.1 CDNT</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
4. Hành vi bị cấm	Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Luật đấu thầu hiện hành.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;b) Hạch toán tài chính độc lập;c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn. <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 5.1 Mục

	5 CDNT.
6. Nội dung của HSMT	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Dự thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Dự thảo hợp đồng. <p>6.2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. HSMT do Bên mời thầu phát hành là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
7. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	<p>7.1. HSMT được phát hành cho các nhà thầu tham gia lựa chọn nhà thầu rộng rãi trong nước. Thông tin được đăng tải trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>7.2. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.3. Trường hợp cần làm rõ HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Việc làm rõ HSMT được thực hiện theo một hoặc</p>

	<p>các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã nhận HSMT; – Nội dung làm rõ HSMT không trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại mục 7.2 CDNT.
8. Chi phí dự thầu	HSMT được phát hành miễn phí ngay sau khi Bên mời thầu phát hành thành công TBMT. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSMT theo quy định tại BDL . Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDT	<p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p> <p>10.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	Không áp dụng
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p>b) Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Bên mời thầu thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất</p>

	<p>cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT đảm bảo chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Nếu có thư giảm giá riêng trong lúc mở thầu thì vẫn ghi nhận giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Hạng mục cung cấp dịch vụ” theo Mẫu số 04 Chương IV.</p> <p>13.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu xử lý tình huống theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>13.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Bên mời thầu rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.
17. Thời hạn	17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại

<p>có hiệu lực của HSDT</p>	<p>BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại, đồng thời bảo đảm dự thầu sẽ được giải tỏa cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối gia hạn. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu bằng chuyển khoản hoặc séc bảo chi hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>18.2. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp.</p> <p>18.3. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).</p> <p>18.4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV).</p> <p>18.5. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng</p>

	có hiệu lực.
19. Thời điểm đóng thầu	<p>19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.3. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu.</p>
20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT	<p>20.1. Nộp HSDT: Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>- Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>20.4. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Bên mời</p>

	<p>thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSMT mới phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.5. Rút HSMT: Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSMT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu. HSMT mà nhà thầu yêu cầu rút lại sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.6. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSMT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSMT nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSMT của các nhà thầu vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.</p> <p>21.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSMT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hay không có thư giảm giá kèm theo HSMT của mình;</p> <p>b) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>c) Mở bản gốc HSMT và đọc rõ các thông tin về: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ, Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSMT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu, các thông tin khác liên quan. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.3. Biên bản mở thầu: các thông tin nêu tại Khoản 2, Mục này phải được ghi vào Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.4. Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSMT.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSMT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSMT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSMT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu, Bên</p>

	<p>mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.</p> <p>23.4. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế</p>

<p>kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Bên mời thầu hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự</p>

	thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.
27. Nhà thầu phụ và Nhà thầu liên danh	Không áp dụng.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng.
29. Đánh giá HSDT	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu tiến hành đánh giá HSDT theo các bước sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>29. 3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</p> <p>a) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác) để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>b) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại điểm a khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì thông tin là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p>
30. Đối chiếu tài liệu	Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gốc khi được Bên mời thầu yêu cầu đối chiếu tài liệu.
31. Điều kiện	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các

<p>xét duyệt trúng thầu</p>	<p>điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL.</p> <p>31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã quy định trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Bên mời thầu xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, đ và e Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa</p>	<p>33.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả</p>

<p>chọn nhà thầu</p>	<p>lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên nhà thầu trúng thầu; b. Giá trúng thầu; c. Loại hợp đồng; d. Thời gian thực hiện hợp đồng; e. Thời gian thực hiện gói thầu; f. Các nội dung cần lưu ý (nếu có). <p>33.2. Bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu, trong nội dung văn bản thông báo bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông tin quy định tại điểm a,b,c,d Khoản 1 điều này b. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; c. Kế hoạch hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn. <p>33.3. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị hoặc gặp trực tiếp Bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.4. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Bên mời thầu sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Bên mời thầu sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>

	<p>36.3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Chương VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu số 13 Chương VI hoặc một mẫu khác được Bên mời thầu chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, Bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị đến địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời thầu. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>
<p>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc
CDNT 1.2	Tên gói thầu: PTV-Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho CNMB đợt 3 năm 2025.
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện gói thầu: 376 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn Sản xuất kinh doanh.
CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: Miễn phí
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 40 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.3	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 100.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 70 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. - Số tài khoản: 1600088668 Tại ngân hàng BIDV – CN Sở giao dịch III – PGD Nguyễn Khang – Hà Nội. - Tên tài khoản: Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam – Chi Nhánh Miền Bắc.
CDNT 18.5	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày , kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	Thời điểm đóng thầu: 15 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 11 năm 2025
CDNT 21.1	Việc mở HSDT sẽ được tiến hành công khai vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc, Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt / Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: <i>áp dụng phương pháp</i> “Đạt / Không đạt”. - Đánh giá về tài chính: <i>phương pháp giá thấp nhất, với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III.</i>

CDNT 29.2 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: - <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất</i> : Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;
CDNT 31.5	- <i>Phương pháp giá thấp nhất</i> : “Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;
CDNT 31.6	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu".
CDNT 38.2	Người có thẩm quyền: - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Hoàng Thanh Vân - Giám đốc - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777
CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Ông Trịnh Anh Tú – PP.KTTH – Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:

a) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: đơn dự thầu; giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

b) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp Giá dự thầu, không đề xuất các Giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu;

e) Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 17 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

f) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 18 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07

2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu chứng minh nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm ⁽³⁾ tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 8.900.000.000 VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tình hình doanh thu 3 năm: 2022, 2023, 2024. - Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁴⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự ⁽⁵⁾ : Cung cấp đầu kéo vận chuyển về hàng nguy hiểm; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu ⁽⁶⁾ : 3.000.000.000 VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
KẾT LUẬN			“Đạt” nếu đạt tất cả các mục nêu trên	
			“Không đạt” nếu không đạt bất kỳ các mục trên	

Nhà thầu có HSDT đạt về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật

*** Ghi chú:**

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Bên mời thầu đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết

tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1, Y-2).

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định theo luật đấu thầu hiện hành thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(5) (6) Hợp đồng tương tự:

Việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau: nhà thầu phải chứng minh bằng ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét hoặc có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét.

Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt: 06 người

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Đầu kéo	03

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Căn cứ vào các yêu cầu được trình bày trong HSDT, Bên mời thầu sẽ đánh giá theo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Quy định về phạm vi cung cấp	Quy định tại Mục 1 Chương V
2	Yêu cầu kỹ thuật	Quy định tại Mục 2 Chương V
	KẾT LUẬN	Đạt nếu tất cả các mục trên đều đạt

Mục 4. Đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất

TT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Giá dự thầu	Giá ghi trong đơn dự thầu của nhà thầu
2	Sai sót không nghiêm trọng	Theo Mục 26 – Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu
3	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh các sai lệch	Tổng của giá trị của nội dung (1) + (2)
4	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	Giá trị nội dung (3) – Giá trị giảm giá (nếu có)
5	Xếp hạng nhà thầu	HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Cách xác định Giá dự thầu thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định Giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán Giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDT của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở Giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn dự thầu	Form mẫu		X
2	Mẫu số 02. Giấy uỷ quyền	Form mẫu		X
3	Mẫu số 03. Bảo lãnh dự thầu	Thư bảo lãnh		X
4	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu	Form mẫu		X
5	Mẫu số 05. Hợp đồng trưng tự do nhà thầu thực hiện			X
6	Mẫu số 06. Bản kê khai thông tin nhà thầu			X
7	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
8	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
9	Mẫu số 09. Bảng kê khai thông tin thiết bị			X
10	Mẫu số 10. Bảng kê khai thông tin nhân sự			X
11	Mẫu số 11. Bảng tiến độ thực hiện			X
12	Mẫu số 12: Phạm vi cung cấp			X

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ____ tháng ____ năm 20 ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Ghi tên nhà thầu*], Mã số thuế _____, [*Ghi mã số thuế của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu: [*phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu*]

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Nhà thầu tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSMT: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày __ tháng __ năm __*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽³⁾.

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT.

(2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(3) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 3 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Bên mời thầu, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.3 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.4 Chương 1-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

1	2	3	4	5	6	7
STT	Hạng mục dịch vụ	Khối lượng chào thầu tạm tính (Km/376 ngày)	Đơn giá dự thầu ⁽²⁾ (VND/Km)	Thành tiền ^{(3)x(4)} (VND)	Thuế VAT (VND)	Tổng cộng ⁽⁵⁾⁺⁽⁶⁾ (VND)
1	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Ống thép Hòa Phát từ 20/12/2025-31/12/2026	129.625	(P ₀)		(5) x 8%	
2	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Thép dây Hòa Phát từ 20/12/2025-31/12/2026	109.625	(P ₀)		(5) x 8%	
3	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Đức Mạnh từ 20/12/2025-31/12/2026	88.138	(P ₀)		(5) x 8%	
4	Tổng cộng giá dự thầu ⁽¹⁾					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm cước phí vận chuyển thuê đầu kéo (các loại phí theo quy định của pháp luật), thuế VAT, toàn bộ chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc nhận, vận chuyển CNG đến điểm nhận hàng của bên mời thầu hoặc khách hàng của bên mời thầu và tất cả các chi phí phát sinh khác trong quá trình vận chuyển, giao nhận hàng.

(2) Đơn giá dự thầu chưa bao gồm thuế VAT (P_0) trên được áp dụng với mức giá dầu DO0,05S vùng I (đã bao gồm VAT) nguồn giá từ thông cáo báo chí của Petrolimex khung giá từ 19.000 VND/lít đến dưới 20.000 VND/lít. Đơn giá thuê sẽ điều chỉnh theo công thức sau đây:

Giá dầu DO0,05S đã bao gồm VAT (VND/lít) được công bố trên trang Petrolimex, vùng I	Đơn giá thuê chưa bao gồm VAT (VND/mmBTU)
....
15.000 - dưới 16.000	$= P_0 * (1 - 1,60\% * 4)$
16.000 - dưới 17.000	$= P_0 * (1 - 1,60\% * 3)$
17.000 - dưới 18.000	$= P_0 * (1 - 1,60\% * 2)$
18.000 - dưới 19.000	$= P_0 * (1 - 1,60\% * 1)$
19.000 - dưới 20.000	P_0
20.000 - dưới 21.000	$= P_0 * (1 + 1,60\% * 1)$
21.000 - dưới 22.000	$= P_0 * (1 + 1,60\% * 2)$
22.000 - dưới 23.000	$= P_0 * (1 + 1,60\% * 3)$
23.000 - dưới 24.000	$= P_0 * (1 + 1,60\% * 4)$
24.000 - dưới 25.000	$= P_0 * (1 + 1,60\% * 5)$
.....

Trong đó: 1,60% là tỷ lệ thay đổi đơn giá thuê vận chuyển khi giá dầu DO0,05S thay đổi. Nếu giá DO0,05S điều chỉnh vượt các khung giá DO0,05S trên, thì đơn giá vận chuyển sẽ điều chỉnh theo công thức nội suy trên.

HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Bên mời thầu:	<i>[ghi tên đầy đủ của Bên mời thầu trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Bên mời thầu]</i> <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i> <i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(2) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND và áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày ký kết hợp đồng đó để làm cơ sở đánh giá.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu.]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
<ol style="list-style-type: none"> Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương II			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Bên mời thầu: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	<p>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)</p>		
	<p>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSDT</p>		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽¹⁾	<i>(Nhà thầu tự tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSDT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSDT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN THIẾT BỊ⁽¹⁾

___, ngày ___ tháng ___ năm ___

Tên nhà thầu: *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin xe đầu kéo					Hồ sơ yêu cầu đối với xe đầu kéo ⁽³⁾							
Biển số đăng kí	Năm sản xuất	Khối lượng kéo theo TK	Nguồn phương tiện vận chuyển ⁽²⁾		Giấy chứng nhận đăng ký xe	Giấy chứng nhận kiểm định ATKMT	Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cháy, nổ	Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS	Phù hiệu xe Container	Xe được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình	Xe được lắp đặt Camera giám sát hành trình, giám sát lái xe	Trang bị đầy đủ phương tiện PCCC
			Sở hữu của nhà thầu	Đi thuê								
<i>[ghi biển số xe đầu kéo]</i>	<i>[ghi năm sản xuất từng xe đầu kéo]</i>	<i>[ghi khối lượng kéo theo thiết kế]</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Ghi tên, số, ngày ký kết, và thời gian thực hiện của Hợp đồng thuê thiết bị:</i> ...	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	...	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu kê khai thông tin của thiết bị theo yêu cầu quy định tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.
- (2) Thiết bị phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê. Trường hợp nhà thầu đi thuê, nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng thuê cho Bên mời thầu hoặc bản gốc khi Bên mời thầu cần đối chiếu.
- (3) Nhà thầu phải đính kèm các tài liệu theo quy định tại Mục 2, Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN NHÂN SỰ⁽¹⁾

__, ngày __ tháng __ năm __

Tên nhà thầu: *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

STT	Thông tin nhân sự ⁽²⁾	Hồ sơ yêu cầu đối với nhân sự ⁽³⁾										
	Họ và tên	Giấy phép lái xe FC trên 1 năm	Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Chứng chỉ huấn luyện An toàn lao động – Vệ sinh lao động	Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ lái xe KDVT	Thẻ an toàn Nhóm 3 (Nghị định 44)	Vận chuyển hàng nguy hiểm (Nghị định 34/2025/NĐ-CP)	Huấn luyện nghiệp vụ CNCH	An toàn hóa chất	An toàn kinh doanh khí Nhóm 3	Giấy khám sức khỏe đủ điều kiện lái xe hạng FC
1	<i>__[ghi họ tên của lái xe]</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>
2	<i>__[ghi họ tên của lái xe]</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>
3	<i>__[ghi họ tên của lái xe]</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>	<i>Ghi ngày hết hạn</i>
4

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu kê khai thông tin của nhân sự theo yêu cầu quy định tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.
- (2) Đối với phần nhân sự nhà thầu đi thuê, bổ sung hợp đồng thuê với đơn vị cung cấp dịch vụ nhân sự.
- (3) Nhà thầu phải đính kèm các tài liệu theo quy định tại Mục 2, Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp và phân rõ hồ sơ tài liệu chứng minh theo từng phần công việc mà nhà thầu tham dự thầu.

BẢNG CAM KẾT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện	Thời gian bàn giao thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo từ 20/12/2025 - 31/12/2026	Theo công việc nêu tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	03 đầu kéo, 06 lái xe	Thiết bị/người	Trạm nén CNG, xã Đồng Châu, Tỉnh Hưng Yên.	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (7): Nhà thầu điền

PHẠM VI CUNG CẤP

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo từ 20/12/2025 - 31/12/2026	Xe đầu kéo: 03 (cái) Lái xe: 06 (người)	327.739	km	Trạm nén CNG, xã Đồng Châu, Tỉnh Hưng Yên.	31/12/2026
2	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh(8)		b1%			

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Trong HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- a. Tên gói thầu: PTV- Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho CNMB đợt 3 năm 2025
- b. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc
- c. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh
- d. Thời gian thực hiện gói thầu: 376 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
- e. Thời gian thực hiện hợp đồng: 376 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

2.1. Phạm vi, tiến độ thực hiện công việc:

Mục 1. Phạm vi cung cấp gói thầu

STT	Danh mục dịch vụ	Phân việc	Địa điểm giao nhận		Cung đường			Đơn vị	Khối lượng	Yêu cầu kết quả đầu ra
			Khách hàng	Địa chỉ lấy hàng	Khoảng cách 2 chiều tới địa điểm giao nhận (Km)	Số chuyến	Tổng số Km			
1	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo với đặc tính kỹ thuật tại Bảng 1	Hưng Yên	Thép dây Hòa Phát	Trạm nén CNG Tiền Hải	305	425	129.625	Km/376 ngày Xe đầu kéo: 03 (cái) Lái xe: 06 (người)		Theo Yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2
			Ổng thép Hòa Phát	Trạm nén CNG Tiền Hải	236	466	109.976			
			Đúc Mạnh	Trạm nén CNG Tiền Hải	254	347	88.138			
2	Tiến độ thực hiện	376 ngày , Từ ngày 20/12/2025 đến hết ngày 31/12/2026								

Bảng 1: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ**Đặc tính kỹ thuật khí CNG:**

TT	Các nội dung	Đơn vị	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Hàm lượng nước	mg/Sm ³	Max: 80	ASTM D4888
2	Hàm lượng lưu huỳnh tổng (H ₂ S và Mercaptan)	ppmv	Max: 30	ASTM D5504 hoặc ASTM D1988&ASTM D4810
3	Hàm lượng H ₂ S	ppmv	Max: 10	ASTM D4810
4	Hàm lượng tạp chất có đường kính lớn hơn 10 μm	ppmv	Max: 30	Phương pháp trọng lượng
5	Thành phần Khí:			ASTM D1945 & ASTM D5134
	N ₂	% mol	Max: 4	
	Tổng lượng Khí trơ (N ₂ và CO ₂)	% mol	Max: 8	
	C ₁ , C ₂ , C ₃ , C ₄ , C ₅ , C ₆₊	% mol	Số liệu thông báo	
6	Nhiệt trị toàn phần (GHV) tại 15 độ C và áp suất tuyệt đối 1,01325 Bar	MJ/Sm ³	Min: 35,2 Max: 45	ASTM D3588 hoặc ISO 6976
7	Áp suất làm việc lớn nhất của bồn CNG	(Bar)	250	

Ghi chú: Đặc tính kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2023/PV GAS.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật và Nhân Sự

STT	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn đánh giá	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Đầu kéo		
1	Số lượng	≥ 03	< 03
2	Khối lượng kéo theo thiết kế	≥ 37.000Kg	<37.000Kg
3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ^(*) (Bản photo)	Có	Không có
4	Giấy chứng nhận kiểm định ATKMT cho xe đầu kéo ^(*) (Bản photo)	Có	Không có
5	Giấy chứng nhận vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ cho xe đầu kéo ^(*) (Bản photo)	Có	Không có
6	Giấy chứng nhận Bảo Hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới ^(*) (Bản photo)	Có	Không có

7	Phù hiệu xe Container (*) (Chụp ảnh thực tế bên)	Có	Không có
8	Xe được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình.	Có	Không có
9	Được trang bị đầy đủ phương tiện PCCC (Chụp ảnh thực tế).	Có	Không có
10	Xe được lắp camera giám sát hành trình, giám sát lái xe.	Có	Không có
II	Nhân sự		
1	Số lượng	≥ 06	< 06
Yêu cầu về nhân sự:			
1	Giấy phép lái xe hạng FC trên 01 năm (*) (Bản photo)	Có	Không có
2	Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (*) (Bản photo)	Có	Không có
3	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Nghị định 34/2025/NĐ-CP) (*) (Bản photo)	Có	Không có
4	Giấy khám sức khỏe đủ điều kiện lái xe ô tô hạng FC(*) (Bản photo)	Có	Không có
5	Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải(*) (Bản photo)	Có	Không có
6	Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn cứu hộ	Có	Không có
7	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hoá chất	Có	Không có
8	Giấy chứng nhận an toàn kinh doanh khí nhóm 3	Có	Không có
9	Thẻ an toàn nhóm 3 (Nghị định 44)	Có	Không có
10	Cam kết tuân thủ quy định về thời gian lái xe và làm việc theo chế độ ca kíp vận hành 24/24 của Nhà Thầu với Bên Mời Thầu. (Bản cam kết gốc)	Có	Không có

Ghi chú:

- (*) Yêu cầu các giấy tờ phải còn hạn tối thiểu đến ngày hết hiệu lực của HSĐT. Trường hợp các giấy tờ mà nhà thầu cung cấp hết hạn trước ngày hết hạn của HSĐT thì nhà thầu phải gửi kèm bản cam kết bổ sung các giấy tờ, đảm bảo các giấy tờ này còn hạn tại thời điểm Hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực. Đối với các giấy tờ cung cấp bản photo, nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo cung cấp bản gốc các giấy tờ này cho bên mời thầu khi cần đối chiếu.

Phần 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
Chương VI. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN KHÍ CNG

Hợp đồng số: /2025/HĐVC/CNGNORTH – ...

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng số

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-CNMB ngày .../.../2025 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu”....”

Hà Nội, ngày tháng năm 2025, Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên Mời Thầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 246 2520 777

Fax: +84 246 2560 777

Tài khoản: 1600088668 tại Ngân TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở Giao dịch 3 – PGD Nguyễn Khang – Hà Nội

Mã số thuế: 3500800828-001

Đại diện là ông/bà: Ông **Hoàng Thanh Vân**

Chức vụ: Giám Đốc (Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-CNGVN ngày 21/08/2025).

Bên Cung Cấp Dịch Vụ (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: **Công ty ..**

Địa chỉ : ...

Điện thoại: ...

Tài khoản: ...

Mã số thuế: ...

Đại diện là ông/bà: ...

Chức vụ: ...

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển khí nén thiên nhiên CNG với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A đồng ý sử dụng, Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ vận chuyển khí nén thiên nhiên CNG (sau đây gọi là Hàng) chứa trong các xe bồn chuyên dụng (đã bao gồm rơ moóc) thuộc sở hữu của Bên A sau đây gọi là Thiết bị bằng xe đầu kéo của Bên B.

Hàng giao nhận với đặc tính kỹ thuật được quy định tại phụ lục 1 của Hợp đồng.

Điều 2. Loại Hợp đồng, Hiệu lực và Thời Hạn Của Hợp Đồng

- Loại Hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.
- Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên B thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng.
- Thời hạn của Hợp đồng: 376 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và/hoặc có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn nếu Bên A chấm dứt hợp đồng cấp khí với khách hàng và/hoặc khách hàng không có nhu cầu sử dụng Hàng. Tuyến đường được quy định tại phụ lục 3 của Hợp đồng.

Điều 3. Thời gian và địa điểm giao/nhận hàng

3.1 Thời gian vận chuyển hàng:

- Thời gian vận chuyển Hàng tối đa được xác định từ thời điểm ký Phiếu xuất kho tại nơi giao Hàng (Sau đây gọi là “Kho”) của Bên A đến thời điểm ký Biên bản giao nhận hàng tại nơi nhận Hàng của Bên A hoặc của khách hàng Bên A (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Hợp đồng). Trừ trường hợp Bất khả kháng như: chiến tranh, bạo loạn, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, các lý do kiểm dịch, cấm vận..., thời gian vận chuyển Hàng tối đa tính cho mỗi 40 km đường là 1 giờ quy định cụ thể theo phụ lục 3 của Hợp đồng.
- Ngay sau khi giao nhận Hàng, đại diện các Bên (bao gồm Bên A, Bên B và khách hàng của Bên A) tiến hành ký xác nhận vào Biên bản giao nhận Hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Hợp đồng.
- Trong mọi trường hợp, khi gặp sự cố trên đường vận chuyển, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc hỏng phương tiện vận chuyển, kẹt xe, tắc đường, ... Bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho cán bộ điều độ vận chuyển của Bên A bằng điện thoại để cùng phối hợp giải quyết.

3.2 Địa điểm giao nhận hàng:

Địa điểm giao/nhận Hàng được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 “Tuyến đường vận chuyển Hàng” của Hợp đồng;

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

- 4.1 Cung cấp các giấy tờ liên quan đến chuyên giao/nhận Hàng, bàn giao cho Bên B các hồ sơ liên quan đến bồn/rơ moóc thực hiện chuyên vận chuyển Hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Hợp đồng .

- 4.2 Chỉ định thời gian và địa điểm giao/nhận Hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Hợp đồng;
- 4.3 Hàng tháng, Bên A có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và ký xác nhận vào Bảng tổng hợp chi phí vận chuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Hợp đồng;
- 4.4 Thanh toán tiền cước phí vận chuyển cho Bên B theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng;
- 4.5 Thông báo trước 02 giờ bằng điện thoại cho Bên B trong trường hợp có lệnh điều động đột xuất hoặc thay đổi Lịch giao nhận và sau đó phải bổ sung thông báo chính thức bằng văn bản;
- 4.6 Trường hợp Bên A có nhu cầu sử dụng thêm xe đầu kéo chuyên dụng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B tối thiểu trước 30 ngày kể từ ngày sử dụng;
- 4.7 Trường hợp lượng tiêu thụ khí sụt giảm, Bên A sẽ thông báo cho Bên B việc ngưng hoặc giảm sử dụng dịch vụ tối thiểu trước 24 tiếng. Trong vòng 03 tháng liên tục nếu Bên A giảm số lượng đầu kéo thuê của Bên B mà không thông báo trước, Bên B có quyền giảm số lượng lái xe đầu kéo tương ứng với số đầu kéo bị giảm.
- 4.8 Trường hợp Bên A có nhu cầu thuê Bên B vận chuyển cho các khách hàng có khoảng cách ngoài quy định của Hợp đồng này thì 02 Bên sẽ bàn bạc và thống nhất đơn giá thuê cho tuyến đường phát sinh với mức giá không vượt với các hợp đồng thuê vận chuyển khác của Bên A trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho cả 02 Bên;
- 4.9 Quản lý, giám sát hoạt động vận chuyển khí của Bên B. Bên A có quyền từ chối thuê Bên B vận chuyển nếu Xe đầu kéo và Lái xe của Bên B vi phạm Luật Giao thông đường bộ, Luật PCCC và các luật khác liên quan, các quy trình, quy định của Bên A.
- 4.10 Bên A có quyền điều động, giám sát, quản lý, đánh giá đội ngũ lái xe của Bên B và có quyền yêu cầu Bên B thay đổi lái xe nếu các lái xe này không đáp ứng được tiêu chuẩn vị trí chức danh công việc hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm các nội quy, quy định của Bên A.
- 4.11 Khi Bên B thay đổi lái xe cần có văn bản gửi Bên A và được sự chấp thuận của Bên A. Tuyệt đối nghiêm cấm việc sử dụng Bồn + rơ moóc CNG để thử tay nghề của lái xe đang tuyển dụng.
- 4.12 Bên A chịu trách nhiệm bàn giao Bồn + rơ moóc trước khi vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật phương tiện an toàn và chi phí phát sinh sự cố do lỗi phương tiện Bên A thì Bên A chịu, lỗi do người và phương tiện Bên B trong quá trình vận chuyển làm hư hỏng phương tiện của Bên A thì Bên B chịu.
- 4.13 Bên A chịu toàn bộ chi phí sửa chữa bảo dưỡng phương tiện Bồn + rơ moóc để đảm bảo phương tiện luôn hoạt động an toàn.
- 4.14 Thông báo ngay trong trường hợp Bồn hoặc Rơ- moóc của bên A gặp sự cố trong quá trình vận chuyển để bên A có phương án xử lý.

4.15 Bên A có toàn quyền quyết định điều độ xe và không bị tác động bởi các Bên vận chuyển.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên B

- 5.1 Sẵn sàng bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp với tiêu chuẩn quy định để vận chuyển Hàng theo quy định của pháp luật. Luôn đảm bảo chất lượng của phương tiện để không làm gián đoạn công tác vận chuyển của Bên A.
- 5.2 Nhận Hàng tại Kho của Bên A, vận chuyển Hàng đúng thời gian quy định tại Điều 3.1 và chịu trách nhiệm giao Hàng tại nơi giao Hàng mà Bên A chỉ định trong Biên bản giao nhận Hàng theo mẫu tại Phụ lục 4 của Hợp đồng;
- 5.3 Ngay sau khi Hàng đã được sử dụng hết, Bên B có trách nhiệm vận chuyển Bồn, Rơ moóc về Trạm điều phối Thái Bình (LGDS) hoặc nơi mà cán bộ điều độ vận chuyển của Bên A yêu cầu.
- 5.4 Chỉ tiến hành việc vận chuyển hàng hóa khi có đủ giấy phép, biểu trưng và báo hiệu nguy hiểm theo quy định;
- 5.5 Lập danh sách Xe đầu kéo và lái xe vận chuyển và gửi cho Bên A theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp toàn bộ hồ sơ lái xe đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại phụ lục 2 của Hợp đồng.
- 5.6 Huấn luyện, đào tạo, cấp chứng chỉ và đảm bảo người điều khiển phương tiện hiểu biết, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và kỹ thuật khi vận chuyển Hàng kể cả khi Bên A có nhu cầu thuê thêm xe đầu kéo của Bên B ngoài kế hoạch dự kiến;
- 5.7 Bên B có trách nhiệm cùng với Bên A lập quy trình phối hợp vận hành, vận chuyển và giao nhận khí;
- 5.8 Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số lượng lái xe/đầu kéo để đảm bảo tuân thủ quy định của luật giao thông đường bộ. Lập danh sách lái xe gửi cho Bên A để làm các thủ tục đăng ký ra/vào LGDS;
- 5.9 Bên B có quyền chỉ chấp nhận vận chuyển khi Hàng có đầy đủ thủ tục, hồ sơ đảm bảo an toàn khi vận chuyển;
- 5.10 Cập nhật liên tục, định kỳ tất cả các chứng chỉ đào tạo cần thiết cho lái xe theo quy định của Pháp luật hiện hành. Đảm bảo công tác kiểm định phương tiện, xin cấp giấy phép PCCC (cho lái xe và phương tiện) đúng hạn.
- 5.11 Bên B duy trì ổn định lực lượng lái xe làm việc cho Bên A, Bên B cung cấp toàn bộ bản sao các hồ sơ của lái xe để Bên A quản lý, các hồ sơ bao gồm nhưng không hạn chế: Hợp đồng lao động ký giữa Bên B và lái xe, Lý lịch có xác minh của chính quyền, hồ sơ khám sức khỏe, các bằng cấp chứng chỉ liên quan.
- 5.12 Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đền bù mọi thiệt hại gây ra nếu để xảy ra sự cố làm tổn thất đến tài sản của Bên A trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm xử lý tai nạn, sự cố, trách nhiệm pháp lý và bồi thường vật chất nếu xảy ra tai nạn, sự cố (tai nạn giao thông, cháy, nổ...) trong quá trình vận chuyển.

- 5.13 Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật của phương tiện vận tải để duy trì Xe đầu kéo luôn ở trạng thái hoạt động an toàn và đủ các điều kiện như đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Trong trường hợp nếu Xe đầu kéo của Bên B bị hỏng hóc, tai nạn hoặc vì một lý do bất kỳ mà không thể khắc phục ngay, Bên B phải nhanh chóng thay thế Xe đầu kéo khác để không làm gián đoạn công tác vận chuyển của Bên A đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự thay đổi này. Mọi chi phí phát sinh cho việc thay thế Xe đầu kéo do Bên B chịu.
- 5.14 Bên B không được tự ý không thực hiện việc vận chuyển Hàng theo kế hoạch mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 5.15 Người lao động Bên B khi làm việc cho Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện các quy định về quản lý an toàn và bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn nơi làm việc và các văn bản quy định khác của Bên A.
- 5.16 Bên B xây dựng và thực hiện các biện pháp xử lý kỷ luật phù hợp đối với các lao động của Bên B có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định của Bên A, gây tai nạn sự cố do lỗi chủ quan trong quá trình làm việc cho Bên A.
- 5.17 Bên B có quyền thực hiện công tác kiểm tra an toàn thiết bị của Bên A trước khi thực hiện công tác vận chuyển khí theo Hợp đồng đã ký. Trong trường hợp phát hiện thấy thiết bị (bồn và rơ mooc) của Bên A không đảm bảo an toàn vận chuyển khí Bên B có quyền từ chối thực hiện vận chuyển mà không bị ràng buộc bất kỳ các điều khoản chế tài nào của Hợp đồng này.
- 5.18 Trong trường hợp xảy ra tai nạn mà bồn của Bên A bị hư hại hoặc bị tạm giữ, Bên B phải có trách nhiệm thuê bổ sung bồn tương tự ngay để không ảnh hưởng đến việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.
- 5.19 Thời gian làm việc của lái xe đầu kéo phải tuân thủ theo Khoản 1, điều 65 của luật giao thông đường bộ năm 2008. Bên A có quyền từ chối vận chuyển trong trường hợp lái xe vượt quá thời gian quy định trên.
- 5.20 Bên B tuân thủ việc điều độ của bên A trong công việc kiểm định, bảo dưỡng sửa chữa Rơ-mooc định kỳ.
- 5.21 Cấm lái xe dùng tay sử dụng điện thoại khi đang điều khiển xe chạy trên đường.
- 5.22 Chỉ được phép dừng hoặc đỗ Bồn+romooc tại những địa điểm an toàn, được phép theo quy định về vận chuyển hàng dễ cháy nổ.

Điều 6. Phương tiện vận tải:

- 6.1 Bên B phải luôn đảm bảo số lượng đầu kéo tối thiểu để thực hiện dịch vụ cho Bên A là: 03 đầu kéo.
- 6.2 Xe đầu kéo của Bên B là do Bên B quản lý và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này;
- 6.3 Xe đầu kéo của Bên B phải đảm bảo sẵn sàng hoạt động 24/24 giờ. Khi có yêu cầu của Bên A, kể cả trong trường hợp có lệnh điều động đột xuất của Bên A, Bên B phải kịp thời đáp ứng;

- 6.4 Xe đầu kéo của Bên B dùng để vận chuyển Hàng cho Bên A phải được trang bị/lắp đặt hệ thống Vntracking (GPS Tracking) tương thích với Hệ thống này của Bên A để đảm bảo việc quản lý, điều độ vận chuyển Hàng của Bên A được thông suốt.

Điều 7. Phương thức giao nhận Hàng

- 7.1 Giấy tờ vận chuyển hàng: Khi thực hiện vận chuyển Hàng cho Bên A, Bên B phải đảm bảo đầy đủ các loại giấy tờ cho Phương tiện vận chuyển và người điều khiển phương tiện theo quy định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.
- 7.2 Phương thức giao nhận: Hàng được Bên A giao cho Bên B theo phương thức sau:
Bên B nhận Hàng bằng Xe đầu kéo tại Kho của Bên A và giao Hàng tại điểm đến đã được ghi trong Phiếu xuất kho của Bên A;
- 7.3 Trong vòng (05) ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng vận chuyển, đại diện hai Bên tiến hành đối chiếu và xác nhận số chuyến Hàng mà Bên B đã vận chuyển cho Bên A trong tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Hợp đồng, kèm theo Biên bản giao nhận Hàng của từng chuyến Hàng giữa Bên B và Bên A hoặc khách Hàng của Bên A theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Hợp đồng;

Điều 8. Đăng ký bảo hiểm

Bên B có trách nhiệm mua các loại bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn các loại bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm bắt buộc Trách nhiệm dân sự của chủ xe;
- Bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe.

Điều 9. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- 9.1 Chi phí thuê đầu kéo (Chưa bao gồm VAT):

$\sum \text{Chi phí thuê đầu kéo} = \sum \text{Số Km vận chuyển (km)} \times \text{Đơn giá (VND/km)}$

(Đơn giá trên căn cứ chi tiết theo km vận chuyển và sự biến động của giá dầu được quy định tại Phụ lục 9 của Hợp đồng).

- Giá trị tạm tính của hợp đồng: ... VND (Bằng chữ: ...) tại thời điểm giá DO0,05S trong khoảng từ 19.000-20.000 VND/lít.
- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm cước phí vận chuyển, thuế GTGT, toàn bộ các chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan.
- Giá trị thực tế của Hợp đồng sẽ được quyết toán trên khối lượng thực tế thuê vận chuyển của Bên A.

- 9.2 Phương thức thanh toán:

- Đồng tiền thanh toán : đồng Việt Nam (VND).
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.
- Chứng từ thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền cước phí vận tải hàng

tháng cho Bên B trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ dưới đây (bản gốc):

- + Hóa đơn Giá trị gia tăng (VAT);
- + Giấy đề nghị thanh toán;
- + Bảng tổng hợp chi phí và bảng tổng hợp khối lượng vận chuyển có xác nhận của đại diện hai Bên theo mẫu quy định tại Phụ lục 5, 6 của Hợp đồng.

Điều 10. Khối lượng vận chuyển Hàng

- Bên B thực hiện khối lượng vận chuyển Hàng dự kiến quy định cụ thể theo phụ lục 10 của Hợp đồng.
- Khối lượng vận chuyển thực tế sẽ được xác định theo mẫu tại phụ lục 5 “Bảng tổng hợp chi phí vận chuyển tháng” của Hợp đồng.

Điều 11. Đảm bảo thực hiện Hợp đồng:

- 10.1 Bên B cam kết mở Bảo lãnh bảo đảm thực hiện Hợp đồng thông qua Ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc chuyển khoản với giá trị: 2% giá trị hợp đồng cho Bên A không muộn hơn ngày/.../2025.
- 10.2 Thư bảo lãnh thông qua Ngân Hàng: Theo mẫu 07 Hợp đồng hoặc mẫu của Ngân Hàng được Bên A chấp thuận.
- 10.3 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi Hợp đồng hết hiệu lực cộng thêm 15 ngày;
- 10.4 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
 - Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- 10.5 Trường hợp sau khi thực hiện Điều 12 của Hợp đồng này, nếu giá trị còn lại của Bảo lãnh bảo đảm thực hiện Hợp đồng giảm xuống dưới VND Bên B có trách nhiệm khôi phục lại giá trị Bảo lãnh ban đầu trong vòng 05 ngày làm việc.
- 10.6 Trường hợp Bên B không thực hiện Điều 11.1 và 11.2 nêu trên, Bên A có quyền tạm ngưng thực hiện Hợp đồng mà không phải chịu bất cứ việc phạt vi phạm hoặc đòi bồi thường nào từ Bên B.

Điều 12. Phạt hợp đồng

- 11.1 Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị Hàng (khí CNG) và thiết bị của Bên A bị mất mát, hư hỏng trong quá trình vận chuyển do lỗi của người và phương tiện của Bên B gây ra, trị giá Hàng được tính căn cứ khối lượng giao Hàng vào kho Bên A hoặc kho của khách hàng Bên A theo đơn giá Hàng tại địa điểm nhận Hàng do Bên A thông báo;
- 11.2 Trường hợp Bên A yêu cầu Bên B vận chuyển mà Bên B không bố trí được Xe đầu kéo theo kế hoạch đã thông báo, Bên A có quyền yêu cầu Bên thứ 3 vận

chuyển thay và Bên B phải đền bù cho Bên A khoản chi phí phát sinh do Bên A phải đi thuê Bên thứ 3 vận chuyển;

- 11.3 Trường hợp phương tiện vận chuyển, nhân sự do Bên B cung cấp không đảm bảo chất lượng, không đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A có quyền yêu cầu dừng vận chuyển đồng thời yêu cầu Bên B chủ động khắc phục hoặc từ chối thuê vận chuyển (nếu cần). Mọi chi phí phát sinh do Bên B chi trả.
- 11.4 Trường hợp Bên B giao Hàng không đúng chất lượng, số lượng hoặc giao chậm vượt quá thời gian cho phép của Bên A gây thiệt hại cho Bên A và/hoặc khách Hàng Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A và/hoặc khách hàng Bên A. Ngoài ra, Bên B còn phải chịu phạt với mức phạt cụ thể sẽ do 2 Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.
- 11.5 Trường hợp xe của bên B dừng chờ tại trạm khách hàng quá 4 giờ mà chưa được lấy bồn về thì bên A phải bồi thường toàn bộ chi phí nhân công, ca xe và các chi phí liên quan khác do việc dừng chờ (Ngoại trừ trường hợp do lỗi khách quan gây ra).
- 11.6 Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các chứng chỉ đào tạo cần thiết cho lái xe cần cập nhật liên tục, định kỳ theo quy định của Pháp luật hiện hành. Đảm bảo công tác kiểm định phương tiện, xin cấp giấy phép PCCC (cho lái xe và phương tiện) đúng hạn. Trường hợp Bên B vi phạm sẽ phải nộp phạt cho Bên A khoản tiền phạt là 1.000.000vnd/1ngày quá hạn/1 người, ngoài ra Bên A sẽ dừng không sử dụng phương tiện và người của Bên B vi phạm đến khi hoàn thiện được đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.
- 11.7 Giá trị thiệt hại và tiền phạt hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị dịch vụ vận chuyển của tháng liền kề gần nhất hoặc trừ vào giá trị Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Điều 13. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- 12.1 Hai Bên chủ động thông tin và phối hợp với nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh, các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng và cùng có lợi;
- 12.2 Trường hợp có tranh chấp về khối lượng, chất lượng Hàng, hai Bên thống nhất chỉ định Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng khu vực I giám định lại. Kết quả giám định này là cuối cùng và ràng buộc đối với các Bên. Chi phí giám định lại do Bên có lỗi chịu;
- 12.3 Mọi tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu không giải quyết được thông qua thương lượng hai Bên thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án có

thẩm quyền để giải quyết. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do Bên có lỗi chịu theo quyết định của tòa án;

12.4 Trong quá trình giải quyết tranh chấp, hai Bên tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng nếu như không có thỏa thuận nào khác của hai Bên về việc tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng.

12.5 Các vấn đề không đề cập tại Hợp đồng này, hai Bên thực hiện theo quy định hiện hành của Luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 14. Trường hợp miễn trách:

- Một trong Hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng do Bất Khả Kháng theo qui định của pháp luật.
- Trường hợp có chủ trương thay đổi của Nhà nước hoặc của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, hoặc Tổng công ty Khí Việt Nam mà một hoặc/và hai bên phải thay đổi hình thức kinh doanh thì bên bị ảnh hưởng bởi những quy định trên được miễn trách nhiệm bồi thường cho Bên kia các tổn thất gây ra và được tạm hoãn trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng trừ trách nhiệm thanh toán như qui định trong Điều 3 của Hợp đồng.

Điều 15. Điều khoản khác

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bộ gốc, Bên A giữ 02 (hai) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ. Các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phụ lục 1

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT HÀNG

(Đính kèm Hợp đồng số .../2025/HĐVC/CNG NORTH -...)

Đặc tính kỹ thuật khí CNG:

TT	Các nội dung	Đơn vị	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Hàm lượng nước	mg/Sm ³	Max: 80	ASTM D4888
2	Hàm lượng lưu huỳnh tổng (H ₂ S và Mercaptan)	ppmv	Max: 30	ASTM D5504 hoặc ASTM D1988&ASTM D4810
3	Hàm lượng H ₂ S	ppmv	Max: 10	ASTM D4810
4	Hàm lượng tạp chất có đường kính lớn hơn 10 µm	ppmv	Max: 30	Phương pháp trọng lượng
5	Thành phần Khí:			ASTM D1945 & ASTM D5134
	N ₂	% mol	Max: 4	
	Tổng lượng Khí trơ (N ₂ và CO ₂)	% mol	Max: 8	
	C ₁ , C ₂ , C ₃ , C ₄ , C ₅ , C ₆₊	% mol	Số liệu thông báo	
6	Nhiệt trị toàn phần (GHV) tại 15 độ C và áp suất tuyệt đối 1,01325 Bar	MJ/Sm ³	Min: 35,2 Max: 45	ASTM D3588 hoặc ISO 6976
7	Áp suất làm việc lớn nhất của bồn CNG	(Bar)	250	

Ghi chú: Đặc tính kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2023/PV GAS.

Phụ lục 2

YÊU CẦU ĐỐI VỚI XE ĐẦU KÉO CHUYÊN DỤNG VÀ NGƯỜI LÁI XE

(Đính kèm Hợp đồng số .../2025/HĐVC/ CNG NORTH -...)

1. Yêu cầu về Đầu kéo để kéo romooc 40feet:

- Số lượng: ≥ 3 Chiếc;
- Giấy chứng nhận đăng kí xe;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới;
- Khối lượng kéo theo thiết kế tối thiểu là 37.000 kg;
- Giấy chứng nhận kiểm định ATKMT cho xe đầu kéo;
- Xe được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình;
- Được trang bị đầy đủ phương tiện PCCC;
- Phù hiệu xe Container;
- Xe được lắp đặt camera giám sát hành trình, giám sát lái xe;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho ứng cứu sự cố khẩn cấp trên đường (găng tay chịu lạnh, kính, mặt nạ);
- Phương án ứng cứu sự cố khẩn cấp cho vận chuyển CNG/LNG trên đường;
- Phương án ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại điều 9, thông tư 37/2020/TT- BCT ngày 30/11/2020
- Giấy chứng nhận vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ cho xe đầu kéo.

2. Yêu cầu về nhân sự:

- Số lượng nhân sự: ≥ 06 người;
- Có hợp đồng lao động với nhà thầu/hoặc nhà thầu đi thuê;
- Giấy phép lái xe hạng FC trên 01 năm;
- Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;
- Chứng chỉ huấn luyện An toàn lao động – Vệ sinh lao động;
- Giấy khám sức khỏe đủ điều kiện lái xe ô tô hạng FC;
- Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn cứu hộ;
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hoá chất;
- Thẻ an toàn nhóm 3 (Nghị định 44);
- Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải;
- Cam kết tuân thủ quy định về thời gian lái xe và làm việc theo chế độ ca kíp vận hành 24/24.

Phụ lục 3

TUYẾN ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN HÀNG

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐVC/CNG NORTH - ...)

STT	Cung đường	Chiều dài quãng đường đi và về	Thời gian chạy	Ghi chú
1.	Từ trạm LGDS Tiên Hải, Hưng Yên đến Thôn Minh Khai, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Ổng thép Hòa Phát)	305 km	7 giờ 40 phút	Cung đường: Đi theo tuyến Tiên Hải – Hưng Yên – Ninh Bình – Đại lộ Thiên Trường – Cao tốc Pháp Vân - Đường vành đai 3 – QL5
2.	Từ trạm LGDS Tiên Hải, Hưng Yên đến Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Thép dây Hòa Phát)	236 km	5 giờ 55 phút	Cung đường: Đi qua trung tâm thị trấn Đông Hưng
3.	Từ trạm LGDS Tiên Hải, Hưng Yên đến Thôn Đông Mai, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Đức Mạnh)	254 km	6 giờ 10 phút	Cung đường: Đi theo tuyến Tiên Hải – Hưng Yên – Ninh Bình - Đại lộ Thiên Trường – Cao tốc Pháp Vân - Đường vành đai 3 – Trung tâm thị trấn Đông Hưng

Ghi chú:

- Trường hợp phát sinh cung đường mới hoặc thay đổi cung đường, Bên A sẽ tổ chức khảo sát lại cung đường và sẽ mời Bên B tham dự. Quyết định phê duyệt định mức cung đường vận chuyển khí CNG do Công ty CP CNG Việt Nam ký sẽ là căn cứ để thanh toán chi phí cho cung đường đó.
- Trường hợp cung đường vận chuyển đến khách hàng là 1 chiều thì km sẽ bằng ½ khoảng cách hai chiều.
- Trường hợp vận chuyển Hàng không đi đúng cung đường chuẩn như trên hai Bên sẽ ký khối lượng vận chuyển phát sinh. Khối lượng vận chuyển phát sinh được căn cứ theo GPS của đầu kéo hoặc GPS bồn CNG.

Phụ lục 4

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐVC/CNG NORTH - ...)



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 3500800828-001
Số tài khoản: 160.10.00.00.88668 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
Việt Nam - Chi nhánh SGD III - PGD Nguyễn Khang

Mẫu số : 03XKNB3/001

Ký hiệu: CG/21P

Số: 0000000

Ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ

Liên 1: Lưu

MẪU

Căn cứ: Kế hoạch tiêu thụ khí CNG tháng..... năm.....

Họ tên người vận chuyển:

Hợp đồng VC số (nếu là thuê ngoài VC):

Phương tiện vận chuyển:..... Đầu kéo số:..... Móc số/số bồn:

Xuất tại kho: Trạm nén Tiên Hải, KCN Tiên Hải, Xã Đông Cơ, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

Nhập tại kho:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất	Thực nhập		
	Tổng cộng:							

CÁC THÔNG SỐ LIÊN QUAN:

1. Các thông số trước khi nén (tại Trạm Tiên Hải - Thái Bình)

Thời gian: ngày / /	Trưởng ca:	
Áp suất:	Vận hành viên:	
Nhiệt độ:	Cv:	

2. Các thông số sau khi nén (tại Trạm Tiên Hải - Thái Bình)

Thời gian: ngày / /	Trưởng ca:	
Áp suất:	Lái xe:	
Nhiệt độ:	Cv:	

3. Các thông số trước khi xả (tại Trạm khách hàng)

Thời gian: ngày / /	Vận hành viên:	
Áp suất:	Lái xe:	
Nhiệt độ:	Cv:	

4. Các thông số sau kết thúc xả (tại Trạm khách hàng)

Thời gian: ngày / /	Vận hành viên:	
Áp suất:	Lái xe:	
Nhiệt độ:	Cv:	

Người xuất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người vận chuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng ca vận hành
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ phần in đường sắt Hà Nội. MST: 0107601162. Tel: 0243 2181755



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH MIỀN BẮC
 Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2,1, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận
 Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế: 3500800828-001

Điện Thoại:(84) 246 2520 777.

- Fax:

PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYÊN NỘI BỘ

Căn cứ kế hoạch tiêu thụ LNG tháng..... năm.... của khách hàng.....

Họ tên người vận chuyển:

Hợp đồng vận chuyển:

Biển số xe:

Xuất tại kho:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	
				Thực xuất	Thực nhập

CÁC THÔNG SỐ LIÊN QUAN

1. Các thông số trước khi ra khỏi Ga.

Thời gian: ngày / /	Người giao hàng	
Trọng lượng xe và hàng:	Lái xe	
Trọng lượng xe :		
Trọng lượng hàng:		

2. Các thông số khi đến trạm khách hàng.

Thời gian: ngày / /	Vận hành viên	
Trọng lượng xe và hàng:	Lái xe	
Trọng lượng xe :		
Trọng lượng hàng:		

Người giao hàng

Người nhận hàng

Vận hành viên

Phụ lục 5
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ VẬN CHUYỂN
Tháng ... /...

Kèm hóa đơn.....ngày.....

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐVC/ CNG NORTH -)

STT	Loại xe đầu kéo	Tuyến vận chuyển	Số km	Số chuyến hàng	Đơn giá (VNĐ/ km)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4x5x6	
Tổng cộng							
Thuế VAT							
Tổng giá trị (đã bao gồm VAT)							

XÁC NHẬN CỦA BÊN A

XÁC NHẬN CỦA BÊN B

Phụ lục 6

(Đính kèm Hợp đồng số .../2025/HĐVC/CNG NORTH - ...)

**BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
TỪ NGÀY.....ĐẾN NGÀY.....**

TUYÊN VẬN CHUYÊN: CNG -.....

STT	Ngày tháng		Giờ		Đầu kéo	Mã hiệu bồn		Tên lái xe			Cung đường			Ghi chú
	Đi	Về	Đi	Về		Bồn đi	Bồn về	Lái 1	Lái 2	Lái 3	Điểm đi	Điểm đến	Km 2 chiều	
Tổng cộng														

XÁC NHẬN CỦA BÊN A

XÁC NHẬN CỦA BÊN B

Phụ lục 7

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số .../2025/HĐVC/CNG NORTH - ...)

Ngân hàng:

Địa chỉ :

Số đăng ký:

Ngày / / 20

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Người hưởng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Địa chỉ:.

Căn cứ HĐVC số... .. /202 /HĐVC/CNG NORTH – ngày / /202 (Sau đây gọi là Hợp đồng) được ký kết giữa Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi Nhánh Miền Bắc (sau đây gọi là Bên A) và ... (sau đây gọi là Bên B) về việc Bên B cung cấp dịch vụ vận chuyển Khí thiên nhiên nén cho Bên A (sau đây gọi là Hàng).

Theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trị giá:

Chúng tôi, (tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng) cam kết vô điều kiện và không hủy ngang thanh toán cho Bên A một phần hoặc toàn bộ số tiền: ngay khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A tuyên bố Bên B vi phạm Hợp đồng.

Văn bản của Bên A phải được gửi đến Ngân hàng trước 17h của ngày hiệu lực cuối cùng của Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết ngày / /20 và chỉ được lập duy nhất 01 (một) bản gốc.

**Ngân hàng phát hành
(Ký tên và đóng dấu)**

Phụ lục 8
DANH SÁCH XE ĐẦU KÉO VÀ LÁI XE VẬN CHUYỂN HÀNG NĂM
(Đính kèm Hợp đồng số .../2025/HĐVC/ CNG NORTH - ...)

Stt	BIỂN SỐ XE	LÁI XE		
		Họ và tên	CMND	Số điện thoại
1				

Ghi chú:

Danh sách Xe đầu kéo và lái xe vận chuyển trên có giá trị từ ngày ... / ... /202 đến ngày... /... /202.

Ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phụ lục 9
ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN

(Đính kèm hợp đồng số /2025 /HĐVC/CNGNORTH -VST)

1. Đơn giá:

<i>Giá dầu DO0,05S (VND/lít)</i>	Đơn Giá (VND/Km)
15.000 - dưới 16.000	...
16.000 - dưới 17.000	...
17.000 - dưới 18.000	...
18.000 - dưới 19.000	...
19.000 - dưới 20.000	P₀
20.000 - dưới 21.000	...
21.000 - dưới 22.000
22.000 - dưới 23.000
23.000 - dưới 24.000
24.000 - dưới 25.000

- **Đơn giá (VND/Km):** chưa bao gồm thuế GTGT;
 - Đơn giá đã bao gồm cước phí vận chuyển, toàn bộ các chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc nhận, vận chuyển CNG đến điểm nhận hàng của Bên A hoặc khách hàng Bên A và tất cả các chi phí phát sinh khác trong quá trình vận chuyển, giao nhận hàng;
 - **Giá dầu DO0,05S (VND/lít):** đã bao gồm VAT tại Vùng I công bố trên trang <https://www.petrolimex.com.vn/> Sau ngày công bố thay đổi.
- 2. Công thức điều chỉnh giá:** Nếu giá DO 0,05S thay đổi ngoài bảng tính trên, đơn giá vận chuyển sẽ được tính tăng hoặc giảm theo công thức sau.

<i>Giá dầu DO0,05S đã bao gồm VAT (VND/lít) được công bố trên trang Petrolimex, vùng I</i>	Đơn giá thuê chưa bao gồm VAT (VND/Km)
.....
15.000 - dưới 16.000	= P ₀ *(1-1,60%*4)
16.000 - dưới 17.000	= P ₀ *(1-1,60%*3)
17.000 - dưới 18.000	= P ₀ *(1-1,60%*2)
18.000 - dưới 19.000	= P ₀ *(1-1,60%*1)
19.000 - dưới 20.000	P₀
20.000 - dưới 21.000	= P ₀ *(1+1,60%*1)

21.000 - dưới 22.000	$= P_0*(1+1,60\%*2)$
22.000 - dưới 23.000	$= P_0*(1+1,60\%*3)$
23.000 - dưới 24.000	$= P_0*(1+1,60\%*4)$
24.000 - dưới 25.000	$= P_0*(1+1,60\%*5)$
.....

Trong đó:

- 1,60% là tỷ lệ thay đổi đơn giá thuê vận chuyển khi giá dầu DO0,05S thay đổi.
- P_0 là đơn giá tại thời điểm giá dầu DO0,05S trong khoảng từ 19.000 VND/lít- dưới 20.000 VND/lít

Phụ lục 10

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN DỰ KIẾN VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG TẠM TÍNH

(Đính kèm Hợp đồng số /2025/HĐVC/CNG NORTH - ..)

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Hạng mục dịch vụ	Khối lượng vận chuyển dự kiến (Km)	Đơn giá tạm tính (VND/km) (P ₀)	Thành tiền (3)x(4) (VND)	Thuế VAT (VND)	Tổng cộng (5)+(6) (VND)	Ghi chú
1	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Ống thép Hòa Phát	129.625					Thuế VAT 8%
2	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Thép dây Hòa Phát	109.625					Thuế VAT 8%
3	Thuê dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Đức Mạnh	88.138					Thuế VAT 8%
4	Tổng giá trị hợp đồng tạm tính	327.739					
Bảng chữ: Giá đã bao gồm cước phí vận chuyển, thuế VAT và toàn bộ các chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan.							

Phụ lục 11

BIÊN BẢN BÀN GIAO BỒN + RƠ MOOC

(Đính kèm Hợp đồng số: ... /2025/HĐKT/CNG NORTH-...)

STT	Loại bồn/rơ mooc	Biển đăng ký	Ngày bàn giao	Tình trạng	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
...					

XÁC NHẬN CỦA BÊN A

Ngày tháng năm 20
XÁC NHẬN CỦA BÊN B

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Kính gửi: _____ [ghi tên Bên mời thầu]
 (sau đây gọi là Bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời thầu thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT